HỆ THỐNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ, NHÂN VIÊN Y TẾ Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

NGUYỄN THỊ DUNG HUYỀN*

Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, ngành y tế nhanh chóng sắp xếp, xây dựng lại hệ thống tổ chức để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe của nhân dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hệ thống tổ chức mới được phân cấp theo đơn vị hành chính từ cấp Trung ương đến địa phương. Ở mỗi cấp có các cơ sở y tế tương ứng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tuyến. Sự phân cấp đó là yếu tố quan trọng giúp hoạt động y tế thống nhất, tạo sự phối hợp chặt chẽ, hướng đến mục tiêu chung là chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tuy nhiên, để vận hành hệ thống tổ chức đó, ngành y tế đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, trong đó sự thiếu hụt về nguồn cán bộ cả về số lượng và chất lượng đã tác động lớn đến hoạt động chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Trước thực tế đó, đòi hỏi ngành y tế có những bước cải tiến mạnh mẽ về mọi mặt nhằm tạo ra nguồn cán bộ y tế đông đảo từ cao, trung, sơ cấp để phân bổ xuống các tỉnh, huyện, xã, công, nông trường, xí nghiệp để phục vụ hoạt động sản xuất, nghiên cứu và giảng dạy. Muốn tạo ra đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế *nhiều, nhanh và tốt*, ngành y tế đã thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo như: chính quy, tại chức, hàm thụ giúp cán bộ, nhân viên y tế vừa công tác vừa học tập, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe của nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1. Khái quát về hoạt động đào tạo cán bộ, nhân viên y tế trước năm 1954

Sau khi Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhanh chóng tiếp quản trường Đại học Y dược. Sau khi tiếp quản thành công, bộ máy tổ chức và trường, lớp được tổ chức lại. Nhiều sinh viên quay trở về tiếp tục học tập sau thời gian xếp bút nghiên lên đường chiến đấu. Chương trình học tập tiếp tục thực hiện theo chương trình của Pháp nhưng được thực hiện bởi đội ngũ cán bộ giảng dạy là người Việt Nam.

Với nguyên tắc "*gắn kết bệnh viện - trường*", "*gắn chặt lí thuyết - thực hành*", "*vừa học vừa phục vụ*", chương trình giảng dạy vẫn được thực hiện theo chương trình cũ nhưng được cải tiến qua từng năm. Thời gian đào tạo bác sĩ, dược sĩ được quy định là 6 năm. Tuy nhiên, khi cuộc kháng chiến diễn ra quyết liệt, chương trình đào tạo được điều chỉnh theo hướng tập trung vào những môn cơ bản ở trường trong thời gian 2 năm. Sau đó, sinh viên được cử đi phục vụ chiến trường với chức năng là y sĩ. Phương pháp đào tạo này được tổng kết thành phương châm "*học tập - đi chiến dịch*

*TS. Viện Sử học

- về tổng kết, tiếp tục học, rồi lại đi chiến dịch". Phương pháp này được áp dụng uyển chuyển, linh hoạt nên thời gian trung bình để sinh viên tốt nghiệp là 6 năm, thậm chí một số trường hợp 7 đến 8 năm mới có điều kiện về trường thi tốt nghiệp.

Tuy nhiên, khi yêu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng lớn, số lượng các cơ sở điều trị được mở rộng nếu chỉ có một trường đào tạo cán bộ y tế với thời gian 6 năm sẽ khó có thể đáp ứng được yêu cầu khám và điều trị của hậu phương và tiền tuyến. Chính vì vậy, ngày 20-8-1948, Chủ tịch nước ra Sắc lệnh số 234-SL mở Trường y sĩ Việt Nam Liên khu 3-4 (1) và Trường y sĩ Liên khu 1-10 (2). Theo đó, Trường y sĩ Việt Nam Liên khu 3-4 được xây dựng tại huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Trường có đủ các khoa nội, ngoại, sản, nhi và một số chuyên khoa răng, hàm, mặt, tai, mũi, họng. Thời gian đào tạo được quy định là 4 năm (3). Đối tượng tuyển sinh là những cán bộ được cơ quan, đoàn thể cử đi học. Đến năm 1951, Bộ Y tế quyết định thời gian đào tạo hệ trung cấp y sĩ là 2 năm. Chương trình học được điều chỉnh theo hướng chỉ học những môn cần thiết nhằm nhanh chóng bổ sung vào đội ngũ cán bộ y tế phục vụ nhu cầu của đất nước. Năm 1952, Trường dược sĩ trung cấp được thành lập ở huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu thành lập, với sự hỗ trợ của Bộ Y tế, các cơ quan trong ngành và nhân dân địa phương, một số phòng thí nghiệm với ít hóa chất, thuốc và dụng cụ thủy tinh, kính hiển vi làm cơ sở giảng dạy được xây dựng. Học sinh vừa học lí thuyết vừa thực hành sản xuất thuốc phục vụ dân công, phục vụ cải cách ruộng đất…

Ngoài công tác đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học, trung cấp, hoạt động đào tạo cán bộ sơ cấp cũng được chú trọng. Các lớp đào tạo cứu thương được mở ở khắp các địa phương với thời gian từ 1 đến 2 tháng. Chương trình học chủ yếu là sơ cứu vết thương, chuyển tải thương. Học sinh là những nam, nữ thanh niên vừa làm công tác cứu thương, vừa cầm súng chiến đấu. Ngoài lực lượng cứu thương, công tác đào đội ngũ cán bộ sơ cấp, nữ hộ sinh thôn quê bắt đầu được thực hiện. Thời gian đào tạo từ 1 đến 3 tháng và chương trình học được quy định theo thực tế của từng khu. Năm 1950, sau khi Nha Y tế thôn quê (4) được thành lập, Bộ Y tế mở lớp đào tạo thí điểm cho cán bộ ở Thanh Hóa. Lớp học do Giám đốc Nha Y tế thôn quê phụ trách trong thời gian 1 tháng với nội dung học chủ yếu là công tác vệ sinh phòng bệnh. Từ lớp học thí điểm này, Bộ Y tế đã xây dựng chương trình học thống nhất về đào tạo cán bộ y tế cho cơ sở. Theo đó, chương trình học của cán bộ cơ sở gồm các môn: vệ sinh phòng bệnh, điều trị các chứng bệnh thông thường, cách sử dụng một số loại thuốc thông dụng và ấn định thời gian học thống nhất là 3 tháng. Từ năm 1952, công tác đào tạo cán bộ xã được giao cho các Khu Y tế và một số Ty y tế thực hiện việc mở các lớp đào tạo y tá, dược tá, hộ sinh có trình độ sơ cấp. Thời gian học thống nhất là 1 năm. Học sinh theo học phải có trình độ văn hóa phổ thông cấp I. Chương trình học do từng Khu y tế tự soạn.

Như vậy, hệ thống đào tạo cán bộ, nhân viên y tế trước năm 1954 được thiết lập phù hợp với chức năng, yêu cầu và nhiệm vụ của ngành y tế. Hệ thống đào tạo cán bộ, nhân viên y tế được thiết lập bao gồm: bậc đại học, trung cấp và sơ cấp. Mặc dù số lượng đào tạo cán bộ y tế còn hạn chế nhưng đã góp phần bổ sung lực lượng cán bộ cho các cơ sở y tế, tạo ra những thành quả bước đầu làm tiền đề cho công tác đào tạo nguồn cán bộ y tế trong những giai đoạn tiếp theo.

2. Các cơ sở đào tạo cán bộ, nhân viên y tế ở miền Bắc

Cơ sở đào tạo đại học

Sau năm 1954, Trường Đại học Y dược khoa là cơ sở đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học duy nhất ở miền Bắc. Trường có nhiệm vụ: đào tạo đội ngũ cán bộ y tế có kiến thức về khoa học, có đủ đức, đủ tài và sức khỏe để phục vụ chế độ XHCN. Bộ máy của trường được hoàn thiện với 25 bộ môn chuyên ngành (5), 2 môn học bổ trợ (6), 3 phòng (7) và một số bộ phận công tác như bộ phận tài vụ và 4 hội đồng (8). Bộ máy tổ chức mới được vận hành bởi 427 cán bộ, trong đó 106 cán bộ y tế được xin thêm, 30 bác sĩ mới tốt nghiệp.

Trước yêu cầu bổ sung nguồn cán bộ của các cơ sở y tế càng lớn, nếu chỉ có một cơ sở đào tạo thì khó đáp ứng được. Chính vì vậy, tháng 9-1961, Trường Đại học Y khoa Hải Phòng được thành lập với sự giúp đỡ về cơ sở vật chất và hỗ trợ chuyên môn của các chuyên gia y tế nước CHXHCN Tiệp Khắc. Trường có nhiệm vụ đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học cho Bệnh viện Tiệp Khắc - Hải Phòng và cơ sở y tế của các tỉnh lân cận. Đây là cơ sở đào tạo cán bộ y tế thứ hai sau Trường Đại học Y dược khoa ở miền Bắc Việt Nam.

Trong quá trình đào tạo do yêu cầu về học thuật, giảng dạy, nhất là nhu cầu xã hội của ngành y và dược khác nhau, ngày 29-9-1961, Bộ Y tế ra Quyết định số 828 BYT-QĐ, tách Trường Đại học Y Dược khoa thành: Trường Đại học Y khoa và Trường Đại học Dược khoa (9). Việc tách thành hai cơ sở đào tạo chuyên ngành riêng biệt là phù hợp góp phần đào tạo đội ngũ bác sĩ và dược sĩ có trình độ chuyên môn sâu, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ quá trình xây dựng CNXH ở miền Bắc.

Năm 1964, khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, ngành y tế thực hiện chuyển hướng công tác đào tạo nhằm tăng cường tổ chức cho các tuyến, trong đó nhấn mạnh "phải mở rộng quy mô và tăng nhanh tốc độ đào tạo, bổ túc cán bộ" (10). Ngày 23-7-1968, Chính phủ ban hành 2 Quyết định số 114-CP và số 116-CP về việc thành lập phân hiệu Đại học Y khoa Thái Bình và Phân hiệu Đại học Y khoa Việt Bắc để bổ sung lực lượng cán bộ y tế cho các tuyến, đồng thời giảm chi phí đào tạo cán bộ y tế cho các tỉnh. Theo đó:

Phân hiệu Đại học Y khoa Thái Bình có nhiệm vụ đào tạo chuyên tu cho y sĩ trung cấp thành bác sĩ đa khoa trong thời gian 3 năm; đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học chính quy cho đối tượng là học sinh học hết phổ thông trong thời gian đào tạo 5 năm (11). Cơ sở thực hành của sinh viên là bệnh viện tỉnh Thái Bình với quy mô 500 giường điều trị.

Phân hiệu Đại học Y khoa Việt Bắc thành lập trên cơ sở biên chế và thiết bị của Trường Y sĩ Việt Bắc. Phân hiệu có nhiệm vụ phụ trách lớp chuyên tu đa khoa cho các y sĩ công tác tại các tỉnh thuộc khu Việt Bắc, Tây Bắc, Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình và y sĩ là người dân tộc ít người ở các tỉnh trung du và khu 4 cũ. Sau đó, phân hiệu được đổi thành trường Đại học Y Việt Bắc. Đội ngũ cán bộ giảng dạy chủ yếu là giáo viên của Trường Đại học Y dược khoa được cử lên hỗ trợ. Cơ sở thực hành là Bệnh viện khu Việt Bắc. Bệnh viện là cơ sở chữa bệnh cho cán bộ và nhân dân, đồng thời là nơi thực tập cho sinh viên, học viên các lớp chuyên tu trung cấp. Sự kết hợp Viện - Trường góp phần tích cực đào tạo bác sĩ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Bắc.

Năm 1969, Trường Đại học Y khoa mở thêm Phân hiệu y khoa Hải Phòng làm nơi thực tập thường xuyên của học sinh. Đây là địa phương có mô hình Trường - Viện (12)

được xây dựng khá tốt với đội ngũ cán bộ y học lâm sàng có trình độ. Đối tượng đào tạo là sinh viên chính quy dài hạn trong thời gian 5 năm.

Như vậy, ở miền Bắc Việt Nam từ chỗ chỉ có một cơ sở đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học duy nhất đã tách ra và phát triển thành 5 cơ sở đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học. Tuy số lượng các cơ sở bậc đại học chưa nhiều nhưng bước đầu đã đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, góp phần vào quá trình khôi phục các cơ sở y tế ở miền Bắc sau ngày giải phóng.

Cơ sở đào tạo trung cấp

Sự ra đời và phát triển của các cơ sở đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học là điều cần thiết. Tuy nhiên, nếu chỉ tập trung đào tạo và bổ sung nguồn cán bộ y tế có trình độ đại học thì không thể đáp ứng được nhiệm vụ của các cơ sở y tế tuyến địa phương trong hoạt động khám và điều trị. Chính vì vậy, Bộ Y tế chủ trương mở rộng đào tạo hệ trung cấp nhằm bổ sung lực lượng cán bộ y tế, góp phần xây dựng và nâng cao hoạt động y tế của các tuyến địa phương.

Ngày 07-03-1956, Bộ Y tế ra Nghị định số 238-BYT/NĐ thành lập Trường Cán bộ y tế Trung ương trên cơ sở hợp nhất Trường Y sĩ Việt Nam (13) và Dược sĩ Việt Nam (14) do bác sĩ Trần Hữu Nghiệp làm Hiệu trưởng. Nhiệm vụ của trường là đào tạo bổ túc y tá từ trong kháng chiến lên trình độ y sĩ và đào tạo trình độ y sĩ cho học sinh tốt nghiệp lớp 7 phổ thông. Thực hiện nhiệm vụ, trường mở nhiều lớp đào tạo từ y tá lên y sĩ trong các cơ sở điều trị như: lớp y tá bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện A, lớp nha tá ở Bệnh viện Phủ Doãn, lớp xét nghiệm viên ở Viện vi trùng học, lớp dược tá ở Viện Bào chế Trung ương. Bên cạnh đó, trường phối hợp với các Ty y tế mở nhiều lớp đào tạo cán bộ y tế, nữ hộ sinh trong khoảng thời gian 3 tháng (15), 6 tháng, 9 tháng (16). Nhờ đó, lực lượng cán bộ sơ cấp, trung cấp được bổ sung tăng lên qua các năm.

Từ một trường cán bộ y tế Trung ương, ngày 26-10-1960, Bộ Y tế ra Thông tư số 22-BYT/TT về việc thành lập 3 trường y sĩ ở các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Nam Định. Tiếp 3 tháng sau đó, Bộ Y tế thành lập thêm 7 trường y sĩ ở các tỉnh Thái Bình, Phú Thọ, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hà Nam, Hà Đông (17). Năm 1961, dựa vào quy mô và nhu cầu đào tạo, các trường y sĩ trung cấp được phân thành:

- Trường trung cấp y sĩ có quy mô từ 300 học sinh được thành lập ở Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, Thanh Hóa, Nam Định. Trong đó, Trường trung cấp y sĩ Hà Nội được thành lập trong Trường Cán bộ y tế. Trường trung cấp y sĩ Nam Định và Thanh Hóa chủ yếu dành cho đối tượng cán bộ y tế xã.

- Trường trung cấp y sĩ có quy mô 100 học sinh được thành lập ở Thái Bình, Hải Dương, Thái Nguyên.

- Trường trung cấp y sĩ có quy mô nhỏ từ 30 đến 50 học sinh được thành lập ở Hồng Quảng, Hà Tĩnh, Phú Thọ, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Mèo.

Bên cạnh đó, còn có các lớp học bổ túc lên y sĩ cho cán bộ sơ cấp có trình độ hết lớp 7 vừa học vừa làm tại Hà Nội, Hải Phòng. Trong đó, Hà Nội tuyển sinh khoảng 100 học sinh, Hải Phòng tuyển sinh khoảng 50 học sinh. Các lớp học được tổ chức vào buổi tối.

Bên cạnh đào tạo tại các trường trung cấp y tế địa phương, hoạt động đào tạo cán bộ, nhân viên y tế có trình độ trung cấp còn được thực hiện trong các cơ sở y tế khác như Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Xô, Viện chống Lao,… Tại đây, nhiều lớp đào tạo cán bộ trung cấp tại chức cho hộ lí, công nhân dược thành cán bộ trung cấp được tổ chức. Viện Vi trùng học mở lớp đào tạo y tá thành xét nghiệm viên; Bệnh viện Bạch Mai đào tạo được 32 hộ lí

thành y tá; Bệnh viện Hữu nghị Việt Xô đào tạo 18 hộ lí thành y tá; Viện chống lao đào tạo 41 hộ lí thành y tá, 1 công nhân dược thành dược tá, 1 xét nghiệm viên; Viện Vi trùng học đào tạo được 44 xét nghiệm viên… (18).

Năm 1965, Bộ Y tế quyết định phân cấp các trường y sĩ về cho địa phương tự quản lí. Nếu như năm 1958, các cơ sở đào tạo cán bộ y tế có trình độ sơ cấp được phân về địa phương quản lí thì đến năm 1965, Bộ Y tế quyết định các cơ sở đào tạo cán bộ y tế có trình độ trung cấp cũng sẽ do Ty y tế các tỉnh quản lí. Bộ Y tế chủ trương phân cấp quản lí các cơ sở đào tạo trung cấp và sơ cấp cho các địa phương như sau: "sau khi phân cấp các trường y sĩ cho địa phương, cần thống nhất 2 trường trung cấp và sơ cấp của mỗi tỉnh làm một, lấy tên là trường cán bộ y tế của địa phương" (19). Nhiệm vụ của trường trung cấp, sơ cấp ở địa phương là đào tạo y sĩ, thực hiện bổ túc văn hóa, bổ túc nghiệp vụ cho cán bộ y tế địa phương, đào tạo y tá, nữ hộ sinh, xét nghiệm viên, đào tạo, bổ túc Đông y cho các lương y… Do đó, trong quá trình hoạt động các trường cán bộ y tế địa phương thực hiện thống nhất giữa công tác huấn luyện, đào tạo với công tác phòng bệnh, chữa bệnh thông qua thành lập mô hình trường - bệnh viện hợp nhất.

Nhằm tạo sự chủ động cho các địa phương trong công tác y tế, ngày 25-1-1966, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 196 QĐ-CP về việc phân cấp và tăng cường khả năng đảm nhiệm các cơ sở sự nghiệp, sản xuất, kinh doanh thuộc ngành y tế cho ủy ban hành chính địa phương trực tiếp quản lí. Theo đó, Bộ Y tế giao các trường đào tạo y sĩ (trừ các trường đào tạo y sĩ ở Việt Bắc và Thanh Hóa) cho Ủy ban hành chính địa phương quản lí trực tiếp. Các trường có nhiệm vụ đào tạo y sĩ xã cho địa phương, đào tạo y sĩ, dược sĩ trung cấp chính quy để biên chế nhà nước cho các địa phương và cung cấp nhu cầu cho Trung ương.

Năm 1970, với chủ trương xây dựng đội ngũ cán bộ "*vừa có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với Đảng, với giai cấp, với dân tộc, vừa có trình độ kĩ thuật và nghiệp vụ giỏi*" (20) để đáp ứng yêu cầu cấp bách về công tác phòng bệnh và điều trị, ngày 26-3-1970, Bộ Y tế ra Thông tư số 15/BYT-TT, về tuyển sinh dược tá, xét nghiệm viên, y tá, nữ hộ sinh trong biên chế nhà nước đi học các lớp chuyên tu bổ túc thành y sĩ, dược sĩ, kĩ thuật viên, y tá, nữ hộ sinh có trình độ trung học. Thông tư nêu rõ phạm vi đào tạo của các trường y sĩ, cụ thể: Trường y sĩ Vĩnh Phú nhận hồ sơ của các tỉnh miền núi, thuộc khu Việt Bắc và các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình, Vĩnh Phú, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Vĩnh Linh. Trường y sĩ Hà Bắc nhận hồ sơ của các tỉnh đồng bằng và trung du như: Ninh Bình, Nam Hà, Thái Bình, Hà Tây, Hải Hưng, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Bắc và các cơ quan Trung ương có y tá lưu động. Trường y sĩ Tây Bắc nhận hồ sơ của y tá công tác ở các tỉnh khu Tây Bắc.

Với nữ hộ sinh sơ cấp đi học bổ túc lên nữ hộ sinh trung học được phân phạm vi đào tạo như sau: nữ hộ sinh công tác ở các tỉnh khu 4 cũ gửi về trường y sĩ Thanh Hóa; nữ hộ sinh công tác ở Hà Nội gửi hồ sơ về Viện bà mẹ và trẻ em; nữ hộ sinh công tác tại các tỉnh thuộc khu Việt Bắc, Lào Cai, Hòa Bình, Ninh Bình, Hà Tây, Vĩnh Phú và Nam Hà thì hồ sơ gửi cho trường y sĩ Hà Nam; nữ hộ sinh công tác ở các tỉnh: Hải Hưng, Thái Bình, Hà Bắc, Quảng Ninh, Hải Phòng thì hồ sơ gửi về trường y sĩ Hải Phòng (21).

Như vậy, trước yêu cầu bổ sung nguồn cán bộ cho các địa phương, từ năm 1954 đến năm 1975, toàn miền Bắc đã thành lập được 28 trường cán bộ y tế và trường y sĩ ở các địa

phương để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bổ túc nguồn cán bộ có trình độ trung cấp.

Cơ sở đào tạo sơ cấp

Tuyến y tế cơ sở có vai trò, chức năng và ý nghĩa rất lớn trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Chính vì vậy, hoạt động bồi dưỡng về văn hóa và nghiệp vụ cho cán bộ y tế cơ sở có trình độ sơ cấp y tế được xem là nhiệm vụ cấp thiết. Hoạt động này được các Ty y tế giao về cho phòng y tế tuyến huyện phụ trách.

Đối với vệ sinh viên: Vệ sinh viên vẫn là một cá nhân sản xuất, họ không hoàn toàn thoát li sản xuất nên có số lượng khá lớn. Đây là lực lượng hoạt động tích cực vào việc truyền bá vệ sinh, y học thường thức. Tuy chưa được đào tạo bài bản nhưng là lực lượng mũi nhọn của ngành y tế để đưa công tác vệ sinh phòng bệnh đi sâu vào quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, các huyện tập trung đào tạo vệ sinh viên để lực lượng này đưa phong trào vệ sinh phòng bệnh đi sâu vào quần chúng nhân dân.

Đối với cán bộ y tế xã: Đây là lực lượng quan trọng của công tác y tế ở nông thôn và được xem là "kho dự trữ" để đào tạo cán bộ y sĩ trung cấp cho tuyến xã. Ban đầu, công tác đào tạo và bổ túc cán bộ do Ty y tế phụ trách khi các huyện chưa đủ y sĩ. Sau khi đủ lực lượng thì công tác đào tạo sẽ do các huyện phụ trách. Công tác đào tạo và bổ túc cán bộ y tá xã do các phòng y tế huyện phụ trách. Ty y tế chỉ đảm nhận tạm thời trong lúc các huyện chưa có đủ y sĩ phụ trách.

Đối với nữ hộ sinh xã: Lớp hộ sinh xã do Ty y tế phụ trách hoặc Ty y tế ủy nhiệm cho các phòng y tế huyện phụ trách. Học sinh được tập trung tại huyện để học chương trình của nữ hộ sinh.

Ngoài các lực lượng trên, đào tạo cán bộ cấp dưỡng cũng được chú trọng. Đây là lực lượng cán bộ nghiệp vụ của ngành và được đào tạo tại các cơ sở y tế của huyện.

3. Chương trình đào tạo cán bộ, nhân viên y tế

Chương trình đào tạo sau đại học

Công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ sau đại học là nhiệm vụ cấp bách, một mặt nâng cao chất lượng công tác khám và điều trị, mặt khác nâng cao trình độ kiến thức phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Đào tạo sau đại học ở nước ngoài

Công tác đào tạo cán bộ y tế sau đại học bắt đầu được thực hiện từ năm 1969. Ban đầu, do trình độ của đội ngũ giảng viên các cơ sở đào tạo trong nước chưa đáp ứng được nên Bộ Y tế gửi một số cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài bằng hai chương trình: *một là,* chương trình của Bộ Đại học; *hai là*, chương trình trao đổi văn hóa với các nước XHCN. Năm 1969, Bộ Y tế gửi 93 cán bộ theo chương trình hợp tác khoa học kĩ thuật gồm: 27 nghiên cứu sinh, trong đó có 18 bác sĩ, 5 dược sĩ cao cấp và 4 kĩ sư và 66 thực tập sinh, trong đó có 49 bác sĩ, 15 dược sĩ cao cấp và 2 kĩ sư. Bên cạnh đó, 26 cán bộ đang học ngoại ngữ, trong đó tiếng Nga có 19 người, tiếng Đức có 7 người. Ngoài ra, số lượng cán bộ y tế được gửi đi đào tạo theo chương trình của Bộ Đại học là 120 người, trong tổng số 1.378 cán bộ của tất cả các ngành, chiếm tỉ lệ 8,3% (22). Đối tượng đào tạo sau đại học ở nước ngoài là cán bộ đang công tác tại các cơ sở y tế tuyến Trung ương và địa phương. Sau thời gian học tập tại Trường Đại học Y khoa, sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành và bảo vệ luận án tại cơ sở sẽ được gửi sang các nước XHCN tiếp tục học tập và bảo vệ Luận án trong thời gian 6 tháng.

Đào tạo sau đại học ở trong nước

Năm 1970, Bộ Y tế quyết định mở bậc đào tạo sau đại học tại Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Việc mở hệ đào tạo sau đại học trong nước đã thúc đẩy việc học tập liên tục, thường xuyên của cán bộ, nhân

viên y tế, một mặt nâng cao tay nghề theo hướng chuyên khoa, mặt khác giúp ngành y tế thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ.

Đối tượng đào tạo là cán bộ đang công tác trong các cơ sở ở Trung ương và các địa phương như trường, viện nghiên cứu và bệnh viện lớn. Họ là những cán bộ có kinh nghiệm chuyên môn, được các cơ sở công tác tín nhiệm cử tham gia thi tuyển, học tập và đào tạo.

Với ngành y, thực hành và tay nghề là điều có ý nghĩa hàng đầu. Bởi vậy, ngoài lực lượng cán bộ có trình độ Phó tiến sĩ, ngành y còn tiến hành đào tạo lớp bác sĩ chuyên khoa cấp I và bác sĩ chuyên khoa cấp II. Năm 1972, Bộ Y tế bắt đầu thực hiện chiêu sinh lớp bác sĩ chuyên khoa cấp II theo hệ tập trung, trong thời gian 2 năm. Tuy nhiên, một số bác sĩ ra trường có thâm niên công tác, chuyên môn giỏi sẽ được đào tạo tập trung trong thời gian 6 tháng. Đây là các bác sĩ giỏi ngoại ngữ, có khả năng tự học và được công tác tại các cơ quan có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành.

Năm 1974, Trường Đại học Y khoa tổ chức thí điểm lớp chuyên khoa cấp I hệ tập trung với thời gian đào tạo 3 năm. Đối tượng tham gia là những học viên hoàn thành chương trình học của năm thứ 5, có thành tích học tập tốt và trải qua kì thi tuyển chặt chẽ. Sau khi tốt nghiệp, họ trở thành đội ngũ cán bộ y tế cốt cán xây dựng ngành chuyên khoa.

Lớp chuyên khoa cấp I gồm 2 bộ phận:

- Bác sĩ nội trú: Đây là chương trình đào tạo sau đại học cho ngành y và có từ thời thuộc Pháp. Học viên sau khi học hết chương trình học năm thứ 5 có thể tham gia kì thi bác sĩ nội trú. Trước đây, chương trình đào tạo bác sĩ nội trú nằm trong chương trình đào tạo đại học, sau khi Bộ Y tế chủ trương phát triển đào tạo sau đại học thì chương trình đào tạo bác sĩ nội trú được tập trung phát triển. Thời gian đào tạo sau đại học là 3 năm.

- Bác sĩ chuyên khoa cấp I: Đối tượng đào tạo là các bác sĩ có thâm niên công tác. Lớp bác sĩ chuyên khoa cấp I có hai hình thức đào tạo: đào tạo tập trung trong thời gian 2 năm và đào tạo hệ tại chức trong thời gian 4 năm. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, họ sẽ trở thành bác sĩ chuyên khoa cấp I.

Như vậy, chương trình đào tạo sau đại học với nhiều hình thức như đào tạo phó tiến sĩ bổ túc, chính quy, đào tạo bác sĩ chuyên khoa II, bác sĩ chuyên khoa I… Sự đa dạng về hình thức đào tạo tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, nhân viên y tế học tập nâng cao trình độ, qua đó bổ sung lực lượng cán bộ y tế có trình độ cao cho các cơ sở y tế từ Trung ương, tỉnh, huyện và cơ sở.

Chương trình đào tạo đại học y dược

Chương trình đào tạo đại học y dược gồm có: đào tạo đại học chính quy, tại chức và bổ túc nghiệp vụ.

Chương trình đào tạo chính quy

Chương trình được bắt đầu thực hiện ở Trường Đại học Y dược khoa. Các khóa học đầu tiên vẫn theo chương trình của Pháp nhưng sinh viên nghe giảng bằng tiếng Việt thay bằng tiếng Pháp. Sinh viên được học tập các môn cơ sở, y học dự phòng và các môn giải phẫu. Mỗi môn học, sinh viên được thi kết thúc môn 2 lần với tỉ lệ đạt ở lần 1 là 50%.

Mỗi tuần, sinh viên có 54 giờ học và tự học, trong đó lý thuyết (gồm cả chính trị) không quá 18 giờ. Mỗi năm học sinh được học tối đa 540 giờ lý thuyết, giành 1,5 tháng để lao động sản xuất, 3 tuần để chỉnh huấn, 3 tuần để ôn và thi hết học phần. Năm 1956, Trường Đại học Y dược khoa thiết lập và củng cố lại chương trình học theo mô hình của Liên Xô. Theo đó,

chương trình học được cải tiến bằng cách tăng cường thời gian học các môn cơ sở và y học dự phòng. Nếu theo chương trình học của Pháp, sinh viên được tham gia thực hành sớm hơn, trong khi đó chương trình học của Liên Xô sinh viên học năm thứ 3 mới được đi thực hành.

Bước sang năm học 1958-1959, chương trình đào tạo đại học được điều chỉnh và sắp xếp lại. Môn chính trị được ưu tiên học ngay từ đầu. Các môn cơ sở khác mỗi tuần có 2 tiết lí thuyết. Mỗi môn học có 72 tiết học trong 1 năm. Riêng các môn sinh học và hóa học được tăng gấp đôi số giờ học. Một số môn học được thay đổi chương trình như môn bệnh học thực nghiệm và bệnh lí đại cương (23) được thay bằng môn sinh lí bệnh học do chuyên gia Liên Xô giúp đỡ. Đối với các sinh viên khóa Y1 (24), do không cần học lại các môn Lý - Hóa - Sinh nên được học ngay các môn cơ sở. Đối với các khóa Y2, Y3, Y4, Y5 đều chú trọng học các môn giải phẫu bệnh, sinh lí bệnh, dược lí và phẫu thuật thực hành sau khi hoàn thành các môn học cơ sở. Các môn chuyên ngành đều có 70 tiết lí thuyết và trên 50 tiết thực hành.

Sang năm 1960, với mong muốn có một chương trình đào tạo hệ thống, đầy đủ, chất lượng và phù hợp, Bộ Y tế chủ trương rút ngắn thời gian đào tạo từ 6 năm xuống còn 5 năm cho học sinh mới tuyển. Theo đó, sau khi hoàn thành các môn học ở trường, sinh viên được học thực hành ở bệnh viện. Tại đây, sinh viên được giao các nhiệm vụ theo chức danh trong bậc thang điều trị. Sinh viên thực tập được xếp bậc Y2; sinh viên thường trực được xếp bậc Y3; sinh viên điều trị được xếp bậc Y4, với những sinh viên vượt qua kì thi tuyển được xếp bậc là sinh viện nội trú (25).

Ngoài chương trình đào tạo bác sĩ có trình độ đại học chính quy, chương trình học dược sĩ đại học chính quy cũng được chấn chỉnh. Nếu như trước đây, chương trình đào tạo dược sĩ chú trọng đến công tác bào chế, thì giờ đây chương trình được cải tiến với việc chú trọng đến hoạt động sản xuất thuốc. Sau khi Trường Đại học Dược được tách ra từ Trường Đại học Y Dược, thời gian đào tạo cũng được rút ngắn lại còn 5 năm.

Sau khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, ngày 5-5-1965, Bộ Y tế ra chỉ thị chuẩn bị kế hoạch sơ tán cơ quan Bộ và các đơn vị trực thuộc, trong đó có các cơ sở đào tạo cán bộ y tế. Với phương châm "*sơ tán nhưng vẫn phải duy trì đào tạo và đào tạo an toàn*", hoạt động học tập nhanh chóng đi vào nền nếp ở nơi sơ tán. Chương trình học được điều chỉnh cho phù hợp bằng cách cắt giảm các môn lí thuyết, tăng cường các môn thực hành. Các buổi nói chuyện khoa học, mời giáo viên làm diễn giả được tổ chức thường xuyên. Hoạt động thực tập của sinh viên tiếp tục được duy trì tuy cơ sở vật chất, dụng cụ thí nghiệm còn thiếu thốn. Môn ngoại ngữ vẫn được chú trọng nhằm đảm bảo cho sinh viên khả năng "tự học vươn lên". Các kì thi hết môn vẫn được tổ chức đúng quy định. Thi vấn đáp tiếp tục được sử dụng để thi hết môn. Hình thức thi tốt nghiệp được các trường áp dụng theo hai hình thức: làm tiểu luận tốt nghiệp và thi tốt nghiệp. Sinh viên chọn hình thức làm tiểu luận tốt nghiệp chủ yếu là Trường Đại học Dược. Tại đây, sinh viên có thể lựa chọn các vấn đề liên quan đến công tác chuyên môn để làm tiểu luận tốt nghiệp. Việc sử dụng hình thức làm tiểu luận tốt nghiệp ngoài việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp nghiên cứu khoa học, còn có những đóng góp nhất định cho sự phát triển của ngành y dược về các mặt như tổ chức, chữa bệnh, phòng bệnh, sản xuất. Từ năm 1965 đến năm 1968, Trường Đại học Dược có 502 học sinh tốt nghiệp ra trường thì có 252 học sinh làm đồ án tốt

nghiệp chiếm 51,2% (26). Trường Đại học Y khoa chỉ tổ chức thi tốt nghiệp cho sinh viên thông qua các chuyên đề nghiên cứu như chuyên khoa kí sinh trùng làm chuyên đề giun đũa, chuyên khoa sinh lí làm chuyên đề bướu cổ,… nhưng cách thức này chỉ là kết hợp còn thi tốt

hính sách, duy vật biện chứng, chính trị học, kinh tế học. Về các môn văn hóa, học sinh tập trung nhiều vào các môn có quan hệ gần với ngành y dược như vạn vật học, hóa, lý, sinh vật học, đặc biệt khuyến khích học sinh học 1 ngoại ngữ. Đối với chuyên môn, học sinh được học các môn: khoa học cơ bản nhưng giảm chỉnh bớt môn cơ thể học thay vào đó là các môn sinh hóa học, vật lí học; thực hiện phối hợp chặt chẽ môn sinh lí học, sinh hóa học với y học đại cương; tập trung đi sâu vào thực tiễn để nâng cao trình độ, triệu chứng lâm sàng, X quang và sinh hóa;…

Ngoài được đào tạo tại các cơ sở đại học, các lớp đào tạo bác sĩ tại chức, bổ túc còn được tổ chức ở trường cán bộ y tế. Cán bộ tham gia giảng dạy là những giáo viên của trường cán bộ y tế và một số y bác sĩ có trình độ khá giỏi trong các cơ sở y tế. Mỗi bộ môn có 1 người phụ trách chung và nhiều giáo viên giảng dạy khác để thiết lập hệ thống từ sơ cấp lên trung cấp, từ trung cấp lên cao cấp. Mỗi năm tập trung từ 2 đến 3 tháng để thực tập hay kiến tập những vấn đề tại chỗ không giải quyết được.

Năm 1967, với mục đích giảm bớt chi phí cho các địa phương khi cử y sĩ, y tá đi đào tạo đại học tại chức, ngày 14-8-1967, Bộ Y tế ra quyết định số 127-CP về việc mở lớp chuyên tu đại học tại trường y sĩ Thanh Hóa, Thái Bình, Việt Bắc. Các lớp chuyên tu đại học có nhiệm vụ bổ túc nghiệp vụ cho các y sĩ xã và một số y sĩ trong biên chế nhà nước lên trình độ bác sĩ. Trong quá trình học tập, học viên được phân công về các bệnh viện để học tập chuyên môn có giáo viên đi kèm nhằm thực hiện nhiệm vụ cấp cứu phòng không, thực hiện hỗ trợ chuyên môn, kĩ thuật, nghiệp vụ, đồng thời tạo ra lực lượng tại chỗ thực hiện ứng cứu nếu có chiến tranh xảy ra.

Sang năm 1970, Bộ Y tế tạm đình chỉ chương trình đào tạo bổ túc cho lực lượng y sĩ do một số hạn chế trong quá trình thực hiện. Một năm sau đó, Bộ Y tế quyết định chỉ triệu tập các y sĩ đã qua bổ túc 1 năm được tham gia đào tạo tại chức. Thời gian bổ túc thành bác sĩ là 5 năm gồm có: 2 năm bổ túc văn hóa và 3 năm bổ túc chuyên môn tập trung tại trường. Khi đăng kí tham gia, học viên phải trải qua kì kiểm tra văn hóa lớp 7 và chuyên môn trước khi vào học tại các phân hiệu Đại học y khoa.

Chương trình đào tạo trung cấp

Chương trình đào tạo hệ trung cấp y dược gồm: đào tạo chính quy và đào tạo bổ túc.

Chương trình đào tạo chính quy

Ngày 20-11-1963, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 171-CP về quy chế mở trường Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Thực hiện Nghị định, ngày 4-5-1970, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp phối hợp với Bộ Y tế ra Thông tư liên bộ số 20-TT-LB về việc mở hệ đào tạo y tá, hộ sinh có trình độ trung học, trong đó nêu rõ: "tình hình phát triển sự nghiệp y tế của nước ta hiện nay đòi hỏi ngành y tế phải có một đội ngũ y tá, hộ sinh có trình độ Trung cấp một cách đắc lực, để có thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về phòng bệnh và chữa bệnh của nhân dân" (27). Chương trình đào tạo cán bộ y tế có trình độ trung cấp chính quy được thực hiện trong trường Đại học y khoa. Tuy nhiên, do đội ngũ cán bộ giáo viên còn thiếu nên chương trình đào tạo được thực hiện đối phó, không đầy đủ. Trước khi vào lớp bổ túc, học sinh trải qua kì thi kiểm tra văn hóa theo chương trình lớp 5. Các cán

bộ có đủ giấy tờ chứng chỉ đã học hết chương trình lớp 5 trong thời hạn không quá 2 năm sẽ được miễn thi. Thời gian đào tạo y sĩ trung cấp là 2 năm. Trong đó, năm học đầu tiên học sinh được học y học cơ bản và y học chung ở cơ sở đào tạo. Năm học thứ hai được phân công xuống các bệnh viện, các viện nghiên cứu để thực tập chuyên khoa. Sau khi hoàn thành chương trình thực tập, học sinh trở về trường thi tốt nghiệp để trở thành y sĩ chuyên khoa trung cấp.

Ngoài được đào tạo tại Trường Đại học Y khoa, y sĩ trung cấp còn được đào tạo tại trường cán bộ y tế và trường y sĩ tỉnh. Chương trình học được thực hiện trong 2 năm, trong đó năm thứ nhất học viên được tiếp cận với các môn cơ sở, từ năm thứ hai học sinh được tập trung đào tạo chuyên khoa. Cuối năm thứ hai, học sinh được cử đi thực tập trong các bệnh viện của các tỉnh.Sau khi hoàn thành thực tập, học sinh trở về trường và thi tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo bổ túc

Với chủ trương bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ y tế, ngày 16-3-1959, Bộ Y tế ra công văn số 1580 về việc bổ túc nghiệp vụ cho y sĩ đề bạt, nữ hộ sinh Đông Dương, nữ hộ sinh các lớp 18 tháng. Tiếp sau đó, ngày 24-4-1959, Bộ Y tế ban hành thông tư số 9-BYT-TT về việc lấy 8 y tá, 8 dược tá, 8 nữ hộ sinh lâu năm về bổ túc lên y, dược sĩ trung cấp. Đối tượng tuyển sinh là y tá, nha tá, dược tá, nữ hộ sinh tốt nghiệp chính thức từ năm 1952 trở về trước và có thời gian công tác liên tục trong ngành và trong biên chế nhà nước. Đặc biệt, ưu tiên các y tá, dược tá, nha tá, nữ hộ sinh là người dân tộc ít người, tốt nghiệp chính thức từ năm 1956, liên tục công tác trong ngành và trong biên chế. Bên cạnh đó, đối tượng tuyển sinh là các y tá, dược tá, nha tá, nữ hộ sinh là chiến sĩ lao động xuất sắc liên tục 3 năm; y tá lưu động từ 3 năm trở lên và trưởng phòng các huyện miền núi công tác từ 3 năm trở lên có thành tích.

Theo học các y tá, dược tá, nha tá trải qua kì thi kiểm tra văn hóa trước khi vào học theo chương trình lớp 4, lớp 5 và lớp 7. Với lớp 4, lớp 5 thi các môn toán, văn, cơ thể học đối với chương trình y tá. Đối với dược tá thi các môn toán, văn, vạn vật. Nếu qua chương trình kiểm tra lớp 5, học sinh học bổ túc văn hóa đến hết lớp 7. Sau thời gian bổ túc văn hóa học sinh thi lớp 7 không đỗ sẽ quay lại cơ quan công tác. Thời gian đào tạo bổ túc trung cấp là 2,5 năm. Trong đó, trong 1,5 năm đầu tiên học sinh được học các môn y học cơ bản và y học chung. Sau đó, học sinh được thực tập ở các bệnh viện, các viện nghiên cứu để vừa học vừa làm. Theo đó, các y sĩ điều trị thực tập ở các bệnh viện tỉnh loại A, các y sĩ phòng bệnh thực tập ở Viện vệ sinh phòng dịch, Viện mắt hột và bệnh viện mắt sẽ tiếp nhận học sinh thực tập đào tạo y sĩ chuyên khoa mắt;…

Với mục đích nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ y tế có trình độ sơ cấp, từ năm 1970-1971, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp phối hợp với Bộ Y tế mở hệ đào tạo trung cấp bổ túc cho y tá, nữ hộ sinh. Đối tượng tuyển sinh là những người đã tốt nghiệp văn hóa lớp 7 phổ thông hoặc bổ túc văn hóa trong thời gian 3 năm. Thời gian bổ túc từ 1,5 đến 2 năm.

Chương trình đào tạo sơ cấp

Trên cơ sở xác định vị trí, vai trò của y tế cơ sở nhất là tuyến xã, hợp tác xã, công tác đào tạo cán bộ sơ cấp được đẩy mạnh. Cán bộ y tế cơ sở gồm: vệ sinh viên, cán bộ y tế xã, nữ hộ sinh xã.

Công tác đào tạo vệ sinh viên được thực hiện tại xã, liên xã. Các lớp học được tổ chức ngoài giờ sản xuất. Lực lượng huấn luyện là cán bộ y tế đã trải qua các lớp bổ túc trung cấp, có kinh nghiệm về công tác quản lí, dưới sự hướng dẫn của phòng y tế

huyện. Tham gia lớp đào tạo cán bộ sơ cấp, học viên phải có trình độ văn hóa lớp 3 và được đào tạo trong thời gian 1 đến 3 tháng.

Đối với cán bộ y tế xã: Đối tượng đào tạo là những vệ sinh viên có trình độ lớp 3 hoặc các thanh niên nam nữ học hết lớp 3 được hợp tác xã cử đi học. Thời gian đào tạo 3 tháng. Mỗi năm có 2 đợt bổ túc. Đợt 1 dành cho học sinh có trình độ lớp 4, được tập trung học tại huyện. Đợt 2 dành cho học sinh có trình độ lớp 5, được tập trung học tại tỉnh. Chương trình đào tạo và bổ túc sơ cấp cho cán bộ y tế xã được thực hiện theo quy định. Theo đó, cán bộ được cử đi học là những y tá, nữ hộ sinh được bầu là chiến sĩ thi đua và có trình độ văn hóa lớp 5. Nếu cán bộ y tế có trình độ văn hóa lớp 7 sẽ được phân vào học các lớp y sĩ trung cấp mà không phải thi tuyển. Thời gian học được quy định như sau: trong tháng đầu học sinh học về vệ sinh phòng bệnh, sau đó được bố trí 1 tuần xuống xã thực tập. Tháng thứ ba, học sinh có 7 ngày đi thực tế ở các xã có phong trào vệ sinh khá. Mỗi xã có 1 tổ gồm 10-12 học sinh để làm công tác vận động vệ sinh phòng bệnh dưới sự chỉ đạo của trưởng ban y tế xã. Sau khi đi thực tế, học sinh được ủy ban hành chính và trạm y tế xã nhận xét, đánh giá mới đủ điều kiện để thi tốt nghiệp. Sau tốt nghiệp, học sinh trải qua 3 đến 6 tháng công tác mới được cấp giấy chứng nhận.

Đối với nữ hộ sinh xã: Trình độ văn hóa của học viên là lớp 3. Thời gian đào tạo là 3 tháng. Mỗi năm có 2 đợt bổ túc do phòng y tế huyện tổ chức. Đợt 1 dành cho đối tượng y tá, nữ hộ sinh có trình độ văn hóa lớp 4. Đợt 2 dành cho đối tượng y tá, hộ sinh có trình độ văn hóa lớp 5. Thời gian đào tạo được quy định như sau: tháng thứ nhất, học sinh có 5 ngày xuống trực tiếp các xã đi thực tế. Nhiệm vụ của học sinh là tìm hiểu và vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh, trong đó chú trọng đến vệ sinh phụ nữ. Trước khi thi tốt nghiệp, học sinh có 3 tháng thực tập để thực hiện công tác tuyên truyền bảo vệ sản phụ, trẻ sơ sinh, thăm thai dưới sự chỉ đạo của hộ sinh xã. Sau khi hoàn thành chương trình thực tập, học sinh được công nhận là nữ hộ sinh sơ cấp, có trình độ chuyên môn tương đương với nữ hộ sinh Đông Dương.

Ngoài các lực lượng trên, *đào tạo cán bộ cấp dưỡng* ở tuyến xã cũng được chú trọng. Đây là lực lượng cán bộ nghiệp vụ, do đó chương trình đào tạo cán bộ cấp dưỡng được tổ chức thành 3 đợt: đợt 1 dành cho học sinh có trình độ văn hóa hết lớp 3; đợt 2 dành cho học sinh có trình độ văn hóa hết lớp 4; đợt 3 dành cho học sinh có trình độ văn hóa hết lớp 5. Đối với các cán bộ cấp dưỡng có trình độ văn hóa hết lớp 7 có thể vào học tại trường y sĩ trung cấp với chuyên khoa dinh dưỡng. Nếu có trình độ hết lớp 10 có thể học tại các trường đại học và được chuyển về chuyên khoa dinh dưỡng.

Riêng đối với các tỉnh miền núi, chương trình đào tạo cán bộ y tế cơ sở được điều chỉnh bởi học viên tham gia chủ yếu là nam nữ thanh niên biết đọc, biết viết. Theo đó, mỗi tuần các lớp dành thời gian từ 2 đến 3 buổi để học tập văn hóa vào buổi tối. Chương trình đào tạo có thể rút ngắn lại còn 2 tháng, sau đó được bổ túc thêm. Các môn lí thuyết bị cắt giảm chương trình, chỉ tập trung giảng dạy những kiến thức cơ bản, thời gian còn lại chỉ tập trung cho học sinh thực tập.

Như vậy, xuất phát từ vai trò quan trọng của công tác đào tạo cán bộ y tế địa phương nên việc bồi dưỡng về văn hóa và nghiệp vụ có trình độ sơ cấp y tế được xem là nhiệm vụ cấp thiết. Đây là cơ sở để đào tạo đội ngũ cán bộ y tế có trình độ sơ cấp lên trung cấp, góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ y tế ở tuyến cơ sở.

4. Nhận xét

Quá trình xây dựng, mở rộng các cơ sở đào tạo cán bộ, nhân viên y tế ở miền Bắc từ năm 1954 đến năm 1975 được thực hiện khẩn trương với nguồn kinh phí của nhà nước và nguồn viện trợ của các nước XHCN. Nếu như năm 1954, toàn miền Bắc chỉ có 3 cơ sở đào tạo cán bộ y tế (trong đó có 1 cơ sở đào tạo đại học và 2 cơ sở đào tạo trung cấp) thì đến năm 1975, hệ thống đào tạo cán bộ y tế có 5 cơ sở đào tạo trình độ đại học và 28 trường y sĩ. Hoạt động đào tạo cán bộ y tế không chỉ được thực hiện trong các cơ sở có chức năng đào tạo chính quy như trường Đại học y dược, các trường y sĩ mà Bộ Y tế còn mở nhiều lớp bồi dưỡng, bổ túc trong các cơ sở điều trị để học viên có thể học thực hành mỗi ngày. Ngoài việc mở các lớp trong các cơ sở đào tạo chính quy hoặc các cơ sở điều trị tuyến Trung ương, các Ty y tế cũng chủ động tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của lực lượng vệ sinh viên lên y tá, y tá lên y sĩ, y sĩ lên bác sĩ. Mục tiêu đào tạo không chỉ hướng đến đội ngũ cán bộ y tế có trình độ đại học, trung cấp mà còn chú trọng đến lực lượng cán bộ y tế sơ cấp nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực y tế cho tuyến xã.

Hoạt động đào tạo cán bộ, nhân viên y tế ở miền Bắc trong giai đoạn này được tiến hành chủ động, linh hoạt với nhiều loại hình đào tạo khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Với mỗi loại hình sẽ tương ứng với chương trình đào tạo phù hợp với điều kiện và thời gian của học viên nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi cán bộ y tế theo học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Sự đa dạng trong loại hình đào tạo cùng với thực hiện cải tiến chương trình đào tạo đã giúp ngành y tế bổ sung số lượng cán bộ y tế khá lớn góp phần bổ sung lực lượng y tế cho các cơ quan y, dược từ tuyến Trung ương, tỉnh, huyện, nhất là y tế tuyến xã. Với nguồn cán bộ y tế được bổ sung mỗi năm đã giúp ngành y tế hoàn thành mục tiêu: mỗi xã có 1 y sĩ phụ trách chung, 1 y sĩ sản khoa, 1 nha sĩ hoặc một nha tá (28). Việc bổ sung nguồn cán bộ cho các tuyến đã giúp ngành y tế rút ngắn khoảng cách về trình độ chuyên môn của các cơ sở y tế ở các tuyến địa phương, giúp cho mọi người dân đều được tiếp cận với các dịch vụ y tế tốt nhất.

Không chỉ phát triển về số lượng, chất lượng đào tạo cán bộ, nhân viên y tế cũng được ngành y tế chú trọng. Trong hoạt động đào tạo, nhiều khẩu hiệu "đào tạo tại chỗ", "cần gì học nấy", "cầm tay chỉ việc", "định kì bổ túc nâng cao trình độ",… được ngành y tế thực hiện nghiêm túc và hiệu quả nên trình độ chuyên môn của cán bộ y tế được nâng lên. Không chỉ được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, cán bộ, nhân viên y tế còn được giáo dục về y đức nhằm hướng tới xây dựng người cán bộ y tế luôn hướng về nhân dân, dũng cảm trong phục vụ chiến đấu, tận tụy trong cứu chữa người bệnh. Chính vì vậy, mỗi cán bộ, nhân viên y tế luôn hướng đến lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "*thầy thuốc phải như mẹ hiền*", kết hợp với lời thề Hippocrates về tiêu chuẩn đạo đức trong nghề y. Đặc biệt, trong hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, phương thức tổ chức và hoạt động của ngành y tế rất linh hoạt, khi có người bị thương, bệnh nhân được đưa vào nhà dân có hầm bí mật để điều trị. Ở đó, đội ngũ cán bộ y tế luôn nêu cao tinh thần dũng cảm, mưu trí thực hiện tốt công tác cấp cứu chiến thương. Nhiều cán bộ y tế đã hi sinh thân mình để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc những người bị thương. Những hình ảnh ấy thể hiện tình thương, trách nhiệm và y đức của người thầy thuốc cách mạng với tấm lòng "Lương y như từ mẫu". Nhờ đó, 100% người bị thương được tiến hành cấp cứu ngay tại chỗ; 80% được cứu chữa tại trạm

y tế xã hay tổ y tế hợp tác xã; chỉ 20% phải chuyển lên tuyến huyện và tuyến tỉnh. Hoạt động cấp cứu chiến thương góp phần giúp nhân dân miền Bắc yên tâm sản xuất, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Lực lượng thanh niên yên tâm lên đường ra tiền tuyến.

Mặc dù ngành y tế đã nỗ lực bổ sung lực lượng cán bộ y tế thông qua nhiều chương trình đào tạo nhưng chất lượng chuyên môn còn nhiều hạn chế. Mặc dù số lượng cán bộ có trình độ y sĩ, y tá trung cấp được đào tạo tăng lên nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Trong quá trình đào tạo, các cơ sở điều trị ở tuyến tỉnh có quy mô nhỏ chưa thể đảm bảo cơ sở vật chất, điều kiện để học sinh, sinh viên thực hành. Chính vì vậy, trong thời gian thực tập, học sinh, sinh viên không được tham gia thực hành nhiều nên chất lượng đào tạo còn nhiều hạn chế. Hơn nữa, các cơ sở đào tạo mở rộng nhiều chương trình đào tạo như hệ chính quy, bổ túc, hàm thụ nhằm bổ sung lực lượng lớn cán bộ y tế được thực hiện chưa có hệ thống và đảm bảo tính quy hoạch. Nhiều địa phương tổ chức nhiều lớp bổ túc nghiệp vụ một cách chắp vá do thiếu cơ sở vật chất. Chính vì chất lượng cán bộ, nhân viên y tế còn nhiều hạn chế nên chất lượng điều trị của nhiều cơ sở y tế còn nhiều bất cập. Đặc biệt, một số cơ sở điều trị ở tuyến địa phương, lực lượng y bác sĩ không tiến hành khám toàn diện mà chỉ dựa vào những triệu chứng lâm sàng để bắt bệnh và kê đơn thuốc…

Như vậy, quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế ở miền Bắc trong giai đoạn này đã giải quyết đúng yêu cầu xây dựng và bổ sung lực lượng y tế có trình độ chuyên môn cao. Dù còn nhiều khó khăn nhưng ngành y tế đã xây dựng được lộ trình phù hợp với chương đào tạo nguồn cán bộ y tế từ trình độ sơ trung cấp rồi nâng dần lên cán bộ y dược có trình độ đại học và sau đại học. Sự phát triển mạnh mẽ của đội ngũ cán bộ y tế trong giai đoạn này đã giải quyết được nhiều vấn đề đặt ra cho ngành y tế. Một mặt, bổ sung lực lượng cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cho các cơ sở y tế để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe của nhân dân, mặt khác, khi trình độ cán bộ y tế các tuyến được cải thiện sẽ nâng cao chất lượng thực hành chuyên môn tạo điều kiện xây dựng tiềm lực khoa học kĩ thuật, tạo ra sự cân bằng về trình độ chuyên môn ở các tuyến điều trị, giúp nhân dân có thể tiếp cận các dịch vụ y tế tốt nhất.

CHÚ THÍCH

(1). Sau này thành Trường quân y sĩ thuộc Cục quân y.

(2). Sau này thuộc Bộ Y tế đào tạo cán bộ trung cấp cho các cơ quan dân y.

(3). Việc quy định thời gian đào tạo 4 năm (trong đó mỗi niên khóa chỉ học 9 tháng) dài hơn so với các trường trung cấp khác là do ảnh hưởng từ mô hình học tập của trường đào tạo y sĩ Đông Dương.

(4). Thành lập vào tháng 11-1949 với nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện công tác vệ sinh phòng bệnh.

(5). Bao gồm: Kí sinh trùng, vệ sinh thủy ly, vi trùng, sinh lí thường, sinh lí bệnh, tổ chức cơ thể bệnh học, Y vật lí, ngoại cơ sở, ngoại lâm sàng, da liễu, nhãn, nội cơ sở và lâm sang, lao, sản phụ, truyền nhiễm và dịch tễ học, tinh thần và thần kinh, nhi, tai mũi hong, giải phẫu, bào chế dược vật lí toán, hóa hữu cơ, sinh hóa, dược lí, dược liệu và thực vật.

(6). Tổ chức y tế và dược chính; thể dục thể thao.

(7). Phòng hành chính, phòng giáo vụ, phòng giáo tài quản trị.

(8). Hội đồng bộ môn, hội đồng khoa học, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng thi đua.

(9). Lý do để tách trường được nêu trong văn bản chính thức là: 1. Do học thuật khác nhau nên nội dung chương trình và việc tổ chức giảng cũng khác; 2. Dược là cơ sở của Y, do vậy việc vận dụng phương châm giáo dục và y tế cũng khác nhau (ví dụ nêu lên để thuyết phục người đọc là: Y phải đến tận nơi để dập tắt dịch, còn Dược thì ngồi tại chỗ lo pha chế thuốc chống dịch); 3. Vận dụng kết hợp lao động sản xuất cũng khác nhau (Y về nông thôn, còn Dược tới xí nghiệp); 4. Nhiệm vụ trường Y ngày càng nặng, cán bộ và sinh viên ngày càng đông, phải tách ra.

(10). Bộ Y tế, *Sơ lược lịch sử y tế*, tập 2; Nxb. Y học, 1996; tr.181.

(11).Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ số 4849; Báo cáo của Tiểu ban kế hoạch đào tạo cán bộ- Ban chấp hành Trung ương về kế hoạch y tế 5 năm 1961-1965.

(12). Trường Đại học Y Hải Phòng- Bệnh viện Việt Tiệp.

(13). Trường thành lập năm 1948.

(14). Trường thành lập năm 1952.

(15). Đào tạo cán bộ 3 tháng được tổ chức ở phòng y tế huyện trên cơ sở kết hợp huấn luyện lý thuyết và thực hành.

(16). Đào tạo cán bộ trên 6 tháng trở lên do Sở, Ty y tế phụ trách, tài liệu được Bộ Y tế gửi về.

(17). Công báo Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1960, số 49, tr.760.

(18).Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ 4644; Dự thảo đề án huấn luyện phục vụ kế hoạch 3 năm 1958-1960 của Bộ Y tế.

(19). Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ 4643; Hồ sơ về việc mở trường, lớp y sĩ trung cấp ở các tỉnh của Vụ tổ chức cán bộ; Bộ Y tế.

(20). Công báo Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; số 11, ngày 15-4-1970, tr.115.

(21). Công báo Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; số 11, ngày 15-4-1970, tr.116.

(22). Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ số 4935; Đề án xây dưng công tác đào tạo cán bộ có trình độ đại học và trên đại học của Vụ huấn luyện - Bộ Y tế năm 1970.

(23). Đây là 2 môn học theo chương trình đào tạo y của Pháp.

(24). Gồm: sinh viên vùng tạm chiếm cũ đã học 1 năm ở trường Đại học Khoa học (đã có chứng chỉ PCB); cán bộ và bộ đội được cơ quan cho đi học, hưởng lương; học sinh miền Nam tập kết ra Bắc (theo Hiệp định Genève).

(25). Kì thi tuyển sinh viên nội trú bắt đầu được thực hiện từ năm 1958.

(26). Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ 4914; Báo cáo tổng kết công tác huấn luyện y tế năm 1965-1968-1969 của Vụ huấn luyện, Bộ Y tế.

(27). Công báo Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, số 5, năm 1970, tr.64.

(28). Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ số 4849; Báo cáo của Tiểu ban kế hoạch đào tạo cán bộ- Ban chấp hành.